

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **508/2025/DS-ST**

Ngày: 28/8/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1906/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Nguyên V**, sinh năm 1989

Địa chỉ: số 97T đường Trần Văn Đang, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn Đ** (có mặt), ông **Lê Quang V** (xin vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: số 3 (tầng trệt) đường Số 6, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 010764 quyền số 108/2023TP/CC/HĐGD lập ngày 09/9/2023 tại Văn phòng công chứng Đông Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Bà **Võ Thị Thu T**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ C4.06 Tòa nhà Sapphire 2, Sài Gòn Pearl, số 92 đường Nguyễn Hữu Cánh, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Hoàng Tuấn V**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ C4.06 Tòa nhà Sapphire 2, Sài Gòn Pearl, số 92 đường

Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 09/7/2019, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tài chính kiêm mua bán số 09/072019/HĐTC (gọi tắt là Hợp đồng số 09). Theo đó, bị đơn vay số tiền 1,200,000,000 (một tỉ hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay 03 ngày, lãi suất 15,000,000 (mười lăm triệu) đồng. Ngày 19/7/2019, nguyên đơn và bị đơn tiếp tục ký Hợp đồng tài chính kiêm mua bán số 19/072019/HĐTC (gọi tắt là Hợp đồng số 19). Theo đó, bị đơn vay tất cả 05 lần, tổng số tiền là 2,100,000,000 (hai tỉ một trăm triệu) đồng, thời hạn vay từ 19/7/2019 đến 19/01/2020, lãi suất 4%/tháng. Ngày 13/3/2020 và 14/3/2020, nguyên đơn tiếp tục chuyển cho bị đơn 04 lần, tổng cộng là 400,000,000 (bốn trăm triệu) đồng. Ngày 17/8/2023, bị đơn ký xác nhận công nợ gốc còn lại là 1,981,000,000 (một tỉ chín trăm tám mươi một triệu) đồng. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là 1,981,000,000 (một tỉ chín trăm tám mươi một triệu) đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 04/10/2023 là 1,687,381,000 (một tỉ sáu trăm tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi một nghìn) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa ghi nhận các vấn đề sau đây:

A. Nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Thực hiện Hợp đồng số 09, nguyên đơn đã đưa tiền mặt và bị đơn ký nhận đủ. Những phần viết thêm về số tiền “+800.000.000” “tám trăm triệu đồng” tại Điều 1 và “+10.000,000” tại Điều 3 là do nguyên đơn tự viết vào do đưa tiền 02 lần trong ngày. Phần cuối của Hợp đồng, bị đơn xác nhận đã nhận đủ tổng số tiền trong hợp đồng. Bị đơn có đưa cho nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà số 51/9 Tú Mỡ, Phường 7, quận Gò Vấp. Tuy nhiên, nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến giấy chứng nhận này.

Thực hiện Hợp đồng số 19, nguyên đơn giao cho bị đơn tổng cộng 05 lần vào các ngày 19/7/2019 là 600,000,000 (sáu trăm triệu) đồng, 24/7/2019 là 500,000,000 (năm trăm triệu) đồng, 17/8/2019 là 100,000,000 (một trăm triệu) đồng, 04/10/2019 là 600,000,000 (sáu trăm triệu) đồng, ngày 30/10/2019 là 300,000,000 (ba trăm triệu) đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng vô hiệu, hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Tại thời điểm cho vay, nguyên đơn là người độc thân. Hiện nay đã lập gia đình và vợ nguyên đơn có văn bản xác nhận đây là tài sản riêng của nguyên đơn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn phải thanh toán khoản nợ, không có yêu cầu gì với ông Hoàng Tuấn V là chồng bị đơn.

B. Bị đơn trình bày tại phiên tòa ngày 24/9/2024: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với Hợp đồng số 09 ngày 09/7/2019 bà có ký Hợp đồng này nhưng nội dung thỏa thuận không đúng. Bà chỉ vay 800,000,000 (tám trăm triệu) đồng, thực tế lãi suất 3%/tháng, tức là 1 tháng trả 24 triệu đồng, đến khi nào có thì trả, không có thời hạn, nếu trả 15 ngày thì tính nửa tháng, trên 15 ngày tính lãi suất một tháng. Bà có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Đối với Hợp đồng số 19 ngày 19/7/2019 thì hoàn toàn không có. Sau khi nguyên đơn đi Mỹ về, nói rằng tự thống kê và đưa bà ký xác nhận, do tin tưởng nên bà không kiểm tra kỹ, bà có ký nhưng không nhận tiền. Đối với Biên bản xác nhận nợ gốc ngày 17/8/2023, bà thừa nhận chữ ký của mình, chỉ xác nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, nội dung bị nguyên đơn che lại nên không thấy. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đòi lại giấy chứng nhận căn nhà số 51/9 Tú Mỡ, Phường 7, quận Gò Vấp và sẽ khởi kiện vụ án khác. Hiện nay bà chỉ còn nợ nguyên đơn khoảng từ 100,000,000 (một trăm triệu) đồng đến 200,000,000 (hai trăm triệu) đồng do đã trả gần hết nhưng không cung cấp được các sao kê chứng minh đã trả nợ. Việc vay mượn không liên quan đến chồng bà là ông Hoàng Tuấn Văn. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt và không giao nộp tài liệu chứng cứ.

C. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị T: bà là vợ của nguyên đơn, toàn bộ sự việc vay mượn bà không biết, không có ý kiến và tranh chấp gì trong vụ án. Bà đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Ông Hoàng Tuấn V: vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nên không ghi nhận được ý kiến.

D. Tại phiên tòa ngày 24/9/2024 hai bên đương sự có lời khai mâu thuẫn nhau. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và gửi công văn số 2748/CV-TABTh. ngày 29/10/2024 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Công an quận Bình Thạnh đề kiến nghị chuyển hồ sơ vụ án có dấu hiệu tội phạm, làm rõ có hay không hành vi cho vay nặng lãi. Tại văn bản số 6710/VPCQCSĐT-D91 ngày 06/11/2024, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cho biết đã hướng dẫn đương sự khởi kiện tại Tòa án nhân dân và đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định, thủ tục tố tụng. Tòa án cũng đã ban hành các Quyết định yêu cầu bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quá trình vay mượn, trả tiền. Đến nay, Tòa án không nhận được tài liệu, chứng cứ nào do bị đơn giao nộp.

E. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện về hợp đồng vay tài sản nên quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực.

[2] Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện đúng theo quy định tại Điều 138, 141 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Xét bà Trần Thị Tcó văn bản xác định không liên quan, không có tranh chấp trong vụ án nên Tòa án không đưa bà Trang vào tham gia tố tụng. Xét ông Hoàng Tuấn V có quyền tài sản liên quan đến căn nhà số 51/9 Tú Mỡ, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được nêu trong các Điều, khoản của Hợp đồng 09 và 19; hiện giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đang do nguyên đơn cầm giữ nên Tòa án đưa ông Văn vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

[3] Căn cứ vào các xác minh của Công an Phường 22, quận Bình Thạnh (nay là phường Thạnh Mỹ Tây), Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp, phiên tòa theo địa chỉ nơi cư trú của hai đương sự. Xét bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan được xem là từ bỏ các quyền, nghĩa vụ tố tụng. Ông Lê Quang Vinh đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông Hoàng Tuấn V, chấp nhận đơn vắng mặt của ông Lê Quang V.

[4] Theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa ngày 24/9/2024 thì hai bên thừa nhận chữ ký trong hai Hợp đồng số 09, 19 và Biên bản xác nhận tiền nợ gốc ngày 17/8/2023 là đúng của mình. Bị đơn cho rằng không đọc nội dung của hai Hợp đồng và Biên bản 17/8/2023 nên không biết, chỉ ký tên do tin tưởng, cũng đã thanh toán gần hết tiền cho nguyên đơn, chỉ còn nợ 100 đến 200 triệu. Xét, theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn không cung cấp. Áp dụng khoản 1, 4 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

[5] Xét bị đơn thừa nhận bà có ghi tại phần cuối của Hợp đồng 09 “*đã nhận đủ tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng)*”. Mặt khác, căn cứ vào các chứng từ chuyển khoản ngày 19/7/2019, 24/7/2019, 04/10/2019 thể hiện nguyên đơn đã chuyển đúng số tiền cho bị đơn. Bị đơn thừa nhận đã ghi và ký tên tại trang cuối của Hợp đồng 19, “*Ngày 17/8/2019, đã nhận đủ 100tr (một trăm triệu). Ngày 30/10/2019 đã nhận đủ 300tr (ba trăm triệu)*”. Như vậy có cơ sở xác định tổng cộng số tiền bị đơn đã vay của hai hợp đồng là 3,300,000,000 (ba tỉ ba trăm triệu) đồng.

[6] Theo sao kê tài khoản số 39393317 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chủ tài khoản là ông Lê Nguyên V thì ngày 13/3/2020 có hai lần chuyển tiền đi, mỗi lần chuyển 100,000,000 (một trăm triệu) đồng; ngày 14/3/2020 có hai lần chuyển tiền đi, mỗi lần chuyển 100,000,000 (một trăm triệu) đồng, với cùng nội dung “*giao ngân khoản vay chi Thuý*”; phù hợp với sao kê tài khoản số 060109400222 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chủ tài khoản là bà Võ Thị Thu Thủy. Theo Biên bản xác nhận nợ gốc ngày 17/8/2023, bị đơn thừa nhận đã ký vào biên bản này với số tài khoản nhận là 060109400222, nhận đủ 400,000,000 (bốn trăm triệu) đồng. Như vậy đây được xem là khoản vay khác ngoài hai hợp đồng số 09 và 19, không có thỏa thuận về thời hạn trả và lãi suất theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét trình bày của bị đơn cho rằng không biết nội dung của Biên bản xác nhận nợ gốc ngày 17/8/2023 về khoản tiền 400,000,000 (bốn trăm triệu) đồng này là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối chiếu với số tiền nhận trong sao kê tài khoản số 39393317 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chủ tài khoản là ông Lê Nguyên Vỹ thì có cơ sở xác định bị đơn đã trả tổng cộng là 1,719,000,000 (một tỉ bảy trăm mười chín triệu) đồng vào các ngày 12/7/2019 (13,000,000 đồng), 16/7/2019 (300,000,000 đồng), 18/7/2019 (200,000,000 đồng), 29/8/2019 (44,000,000 đồng), 27/9/2019 (52,000,000 đồng), 20/12/2019 (02 lần mỗi lần 5,000,000 đồng), 03/01/2020 (100,000,000 đồng), 11/01/2020 (03 lần mỗi lần 300,000,000 đồng, 01 lần 100,000,000 đồng). Xét nguyên đơn tự nguyện căn trừ số tiền đã trả vào nợ gốc của Hai hợp đồng 09 và 19, có lợi cho bị đơn. Do đó, số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng 09 và 19 là 1,581,000,000 (một tỉ năm trăm tám mươi một triệu) đồng. (i)

[8] Đối với khoản tiền 400,000,000 (bốn trăm triệu) đồng đã chuyển vào tài khoản bị đơn vào các ngày 13 và 14/3/2020: sau ngày này không có chứng cứ chứng minh bị đơn đã trả nên không có cơ sở để căn trừ vào khoản nợ gốc. (ii)

[9] Đối với tiền lãi:

[9.1] Hợp đồng 09 và 19: Xét thỏa thuận về lãi tại Điều 3 của Hợp đồng 09 là 15,000,000 (mười lăm triệu) đồng/3 ngày, nợ quá hạn 0.5%/ngày; tại Điều 3 của Hợp đồng 19 là 4%/tháng, lãi trả chậm 0.2%/ngày, nợ quá hạn 6%/tháng là vượt quá mức pháp luật cho phép tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên vô hiệu phần vượt quá. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu tuyên bố vô hiệu một phần và giải quyết hậu quả. Nguyên đơn tự nguyện căn trừ các khoản tiền bị đơn thanh toán vào gốc, không tính lãi cho đến ngày 20/01/2020, có lợi cho bị đơn, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 21/01/2020 đến ngày 20/8/2025 theo mức lãi suất 20%/năm là có cơ sở chấp nhận: $2039 \text{ ngày} \times (20\%/365 \text{ ngày}) \times 1,581,000,000 \text{ đồng} = 1,766,388,493$ (một tỉ bảy trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng. (iii)

[9.2] Đối với số tiền 400,000,000 (bốn trăm triệu) đồng: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm phù hợp với Điều 357, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Từ ngày kết thúc thông báo đòi nợ là ngày 20/9/2023 (Theo thông báo ngày 12/9/2023) đến ngày 20/8/2025 là 700 ngày. Lãi được tính như sau: $700 \text{ ngày} \times (10\%/365) \times 400,000,000 \text{ đồng} = 76,712,329$ (bảy mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng. (iv)

[10] Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên về việc buộc bị đơn phải thanh toán tổng cộng gốc và lãi là (i) + (ii) + (iii) + (iv) là 3,824,100,822 (ba tỉ tám trăm hai mươi bốn triệu một trăm nghìn tám trăm hai mươi hai) đồng

phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[11] Đối với điều khoản về thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở căn nhà số 51/9 Tú Mỡ, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh trong hai Hợp đồng 09 và 19, các đương sự không tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác. Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[1] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 229, Điều 235, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 141, 357, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tài chính kiêm mua bán số 09/072019/HĐTC ngày 09/7/2019 và Hợp đồng tài chính kiêm mua bán số 19/072019/HĐTC ngày 19/7/2019 và bốn giao dịch chuyển khoản các ngày 13 và 14/3/2020 (400,000,000 đồng), tổng cộng là 3,824,100,822 (ba tỉ tám trăm hai mươi bốn triệu một trăm nghìn tám trăm hai mươi hai) đồng.

Việc thanh toán làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm trên số tiền trên.

3. Án phí:

3.1 Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52,684,000 (năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0028703 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5) Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bị đơn phải chịu án phí là 108,482,016 đồng (một trăm lẻ tám triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn không trăm mười sáu đồng).

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 5, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 5, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh